

Bản án số: 59/2023/DS - ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Trần Thị Ên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST- DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 1, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt có lý do”;

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt không có lý do”;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt không lý do”.

2. Ông Lương Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 1, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt có lý do”;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 1, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (văn bản ủy quyền ngày 01/02/2023) “vắng mặt”;

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Thiên N, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm 8, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Đỗ Thị Q trình bày:

Do là bạn bè thân thiết và là người cùng xã với bà Nguyễn Thị T nên khi bà T đến nhà bà đặt vấn đề hỏi vay tiền về buôn bán kinh doanh và làm ăn, lo cho con cái vợ chồng Bà Đỗ Thị Q, ông Lương Văn T đã tin tưởng có 04 lần cho bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 400.000.000đồng. Các lần vay cụ thể như sau: Ngày 30/5/2020 vay 240.000.000đồng, mấy ngày sau (không nhớ cụ thể ngày) vay 60.000.000đồng, ngày 08/6/2021 vay 40.000.000đồng, mấy ngày sau (không nhớ cụ thể ngày) vay 60.000.000đồng. Các lần vay tiền bà Nguyễn Thị T đều ghi vào sổ ghi nợ vỡ uly do bà T tự viết và ký tên đưa cho bà Q giữ sổ. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay đến tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng cao hơn mức lãi suất thời điểm đó gửi ngân hàng. Khi vay thì đều đặn hàng tháng bà T có trả lãi cho bà Q theo thỏa thuận nên khi bà T hỏi vay thêm bà tin tưởng mới cho vay, thậm chí cứ đưa sổ cho bà T viết ghi nhận ký tên không để ý bà T không ghi ngày vay, chỉ nhớ vào lần vay thứ tư thì hai bên hẹn nhau đến tháng 12/2022 thì bà T phải có trách nhiệm trả cho bà cả gốc và lãi. Nhưng đến tháng 12/2022 thì bà có gọi điện thoại đến cho bà T đòi nợ gốc và lãi theo thỏa thuận thì bà T đã bỏ trốn khỏi địa phương, bà đã liên lạc nhiều lần nhưng không liên lạc được.

Ngoài ra bà Q còn tham gia hội tiền tương trợ lẫn nhau do bà T làm chủ, hội bắt đầu từ ngày 20/01/2021 (âm lịch), gồm 30 suất, mỗi suất góp 5.000.000đồng/tháng, góp vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, hội rút không theo thứ tự mà ai cần tiền tiêu trước và muốn rút thì báo bà T để bà T sắp xếp, người rút hội trước phải trả lãi là 1.000.000đồng/tháng/suất.

Bà Q tham gia 2 suất hội tiền với bà T, mỗi tháng góp 10.000.000đồng, bà Q đã góp từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2022 là 23 tháng với tổng số tiền là 230.000.000đồng và chưa rút hội. Hàng tháng bà Q đưa tiền mặt cho bà T hoặc chuyển khoản qua số tài khoản mang tên Đặng Văn Q (là con trai bà T) tại Ngân hàng Quân đội. Các lần bà Q đưa tiền mặt cho bà T đều không ghi lại, các lần chuyển khoản vào số tài khoản 3830186839999 của anh Quân bà Q đều đã in và gửi cho Tòa án. Do hội không họp mặt các thành viên nên bà Q chỉ biết có Chị Nguyễn Thị Thiên N địa chỉ: xóm 8, xã H.H cùng tham gia hội ngoài ra không biết ai khác. Cuối tháng 12 năm 2022 bà muốn rút hội để sửa chữa nhà nên bà Q có đến nhà bà Q xin rút hội thì được biết bà T đã bỏ trốn khỏi địa phương bà đã

nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T phải trả tiền vay và xin rút hội nhưng đều không liên lạc được với bà T. Hiện nay bà Q không biết bà T đang ở đâu, làm gì. Nay bà Q yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho vợ chồng bà Q, ông T số tiền vay là 400.000.000đồng (không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay) và 276.000.000đồng tiền hội, trong đó tiền góp hội là 230.000.000đồng, tiền lãi hội là 23 tháng x 2.000.000đồng = 46.000.000đồng. Tổng cộng là 676.000.000đồng. Bà Q xác định việc vay mượn tiền và việc góp tiền hội là việc giữa bà và bà T, không liên quan đến anh Đặng Văn Q.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T: Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật và Trong quá trình giải quyết vụ án, do bà Nguyễn Thị T không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm bà Nguyễn Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông tin tìm kiếm trên báo Công lý 3 số liên tiếp là 16, 17, 18 ra các ngày 24/02/2023, 01/3/2023 và 03/3/2023; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 25, 26, 27 tháng 02 năm 2023 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc Bà Đỗ Thị Q có đơn khởi kiện đòi nợ tiền vay và tiền hội đối với bà T nhưng đến nay bà T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Q.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q trình bày:

Anh Quân là con đẻ của bà Nguyễn Thị T. Bà T bỏ nhà đi vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022 đến nay không về nhà, hiện nay bà T đang làm ăn sinh sống ở đâu, anh Quân và gia đình không biết, không liên lạc được. Anh Quân đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đối với bà T nhưng do không liên lạc được với bà T. Anh Quân không biết việc bà T vay tiền của vợ chồng bà Q, ông T. Anh thừa nhận nhiều lần nhận tiền qua tài khoản do bà Q chuyển cho bà T, sau mỗi lần nhận được tiền của bà Q chuyển khoản, anh đều chuyển cho bà T, anh không biết là tiền gì. Khoảng cuối tháng 12/2022 anh thấy bà Q nhiều lần đến nhà đòi bà T trả tiền vay và tiền hội. Anh khẳng định việc vay mượn tiền và góp hội là việc giữa bà Q với bà T, không liên quan đến anh.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn T trình bày:

Ông T hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của vợ ông là Bà Đỗ Thị Q về việc vợ chồng ông có cho bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 400.000.000đồng và đã góp hội cho bà T số tiền 230.000.000đồng. Nay ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả vợ chồng ông tổng số tiền là 676.000.000đồng, trong đó tiền vay nợ là

400.000.000đồng, 276.000.000đồng tiền hội gồm 230.000.000đồng tiền đã góp và 46.000.000đồng tiền lãi hội.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2023, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thiên Nga trình bày:

Bà Nga có tham gia hội tiền do bà Nguyễn Thị T làm chủ. Hội có 30 suất, mỗi suất góp 5.000.000đồng/tháng, bà tham gia 2 suất, mỗi tháng góp là 10.000.000đồng, hội bắt đầu từ ngày 20/01/2021 âm lịch và góp vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất. Hội không rút theo thứ tự mà ai cần rút thì báo trước để chủ hội thu xếp. Bà Nga là người cùng tham gia hội tiền này do bà T làm chủ hội, vì là người quen biết bà Q nên chị em hàng tháng có cùng dồn tiền đóng hội cho bà T, bà Nga công nhận Bà Đỗ Thị Q, địa chỉ: xóm 1, xã H.H, huyện Hải Hậu có tham gia chơi hội tiền này là đúng, ngoài ra không biết ai khác vì hội không họp thành viên. Bà Nga thường góp tiền mặt trực tiếp cho bà T hoặc gửi trực tiếp cho anh Đặng Văn Q là con trai bà T nhận hộ và gửi cho bà T. Thời gian đầu bà T còn viết giấy nhận tiền hội của bà, sau đó vì tin tưởng nhau nên không viết nữa. Tháng 3 năm 2021, bà Q có nhờ bà một lần chuyển hộ tiền hội là 10.000.000đồng cho bà T nhận suất của bà Q. Bà T đã trốn khỏi nơi cư trú từ tháng 12 năm 2022 đến nay khi chưa thanh toán tiền hội cho một số người trong đó có bà Nga và bà Q.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Q đối với bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả vợ chồng Bà Đỗ Thị Q, ông Lương Văn T tổng số tiền 676.000.000đ (sáu trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó 400.000.000đồng là tiền vay và 276.000.000đồng là tiền góp hội và tiền lãi hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Đỗ Thị Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, ông Lương Văn T đã ủy quyền cho Bà Đỗ Thị Q, người làm chứng là Chị Nguyễn Thị Thiên N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Tòa án.

Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng vay tiền: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Theo lời trình bày của Bà Đỗ Thị Q, vợ chồng bà có 04 lần cho bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 400.000.000đồng, mục đích bà T vay để cho người khác vay lại, cụ thể: ngày 30/5/2020 vay 240.000.000đồng, mấy ngày sau (không nhớ cụ thể ngày) vay 60.000.000đồng, ngày 06/8/2021 vay 40.000.000đồng, mấy ngày sau (không nhớ cụ thể ngày) vay 60.000.000đồng. Các lần vay tiền được thể hiện bằng giấy vay tiền do bà T tự viết và ký tên, bà Q giữ giấy vay tiền. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay đến tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng. Hàng tháng bà T có trả lãi nhưng đến tháng 12/2022 thì không trả nữa, việc trả lãi không có văn bản giấy tờ gì. Đến hạn trả nợ bà T không trả và lẩn tránh. Nay bà Q yêu cầu bà T phải vợ chồng bà trả số tiền 400.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay.

[2.2] Theo lời khai của anh Đặng Văn Q là con trai của bà T thì anh không biết việc vay mượn tiền giữa bà T và bà Q, Anh thừa nhận có nhận tiền qua tài khoản do bà Q và anh có chuyển cho bà T hoặc chuyển khoản số tiền đó theo ý của bà T cho người khác, cuối tháng 12 năm 2022 bà Q nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T mẹ đẻ anh trả tiền nhưng bà T mẹ anh đã bỏ nhà đi từ tháng 12 năm 2022 đến nay không về, và anh không biết địa chỉ và không liên lạc được với mẹ anh, việc vay tiền này anh không liên quan và không bao giờ hỏi vay bà Q cả nên anh không liên quan đến việc vay nợ này.

[2.3] Chứng cứ mà bà Q giao nộp cho Tòa án là 01 giấy ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T người vay tiền có các nội dung: ngày 30/5/2020 “Tôi là Nguyễn Thị T ở xóm 5, Hải Hà có vay của Quý Thông xóm 8, xã H.H số tiền 240.000.000đ”, phía dưới không đề ngày có nội dung “vay thêm 60.000.000đ”, phía dưới ghi ngày 8/6 có nội dung “Tôi Thu vay thêm 40.000.000đ”, phía dưới nữa có ghi nội dung “Tôi Thu vay thêm 60.000.000đồng” và mỗi lần vay nhận nợ tiền vay đều có ghi bên vay nợ (có chữ ký, chữ viết) Nguyễn Thị T.

[2.4] Tháng 12 năm 2022 bà Q đến nhà yêu cầu bà T trả nợ thì bà T đã bỏ đi khỏi địa phương. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Q đối với bà T, đăng thông tin tìm kiếm bà T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Q.

[2.5] Như vậy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ là

giấy vay nợ, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc bà T bỏ đi khỏi địa phương khi bị bà Q yêu cầu trả nợ đã đủ cơ sở khẳng định việc bà Nguyễn Thị T có vay và còn nợ số tiền 400.000.000đồng của vợ chồng Bà Đỗ Thị Q và ông Lương Văn T là đúng.

[2.6] Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền giữa bà Q và bà T là rõ ràng, cụ thể, đã thể hiện ý chí, sự thỏa thuận thống nhất của bên vay và bên cho vay do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu bà T phải trả số tiền 400.000.000đồng. Do bà Q không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, không buộc bà T phải trả tiền lãi cho vợ chồng bà Q.

[3] Về yêu cầu đòi tiền góp hội:

[3.1] Theo lời trình bày của bà Q: bà có tham gia hội tiền do bà T làm chủ, hội gồm 30 suất, mỗi suất góp 5.000.000đồng/tháng, góp vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/01/2021 (âm lịch), lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất, hội rút không theo thứ tự mà ai muốn rút thì báo bà T để bà T sắp xếp; bà Q tham gia 2 suất, mỗi tháng góp 10.000.000đồng, bà Q đã góp từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2022 là 23 tháng với tổng số tiền là 230.000.000đồng và chưa rút hội. Tiền góp hội bà Q đưa trực tiếp cho bà T, hoặc gửi vào số tài khoản 3830186839999 tại Ngân hàng Quân đội của anh Đặng Văn Q là con trai bà T, nay bà Q yêu cầu bà T phải trả tiền hội là 276.000.000đồng, trong đó: tiền góp là 230.000.000đồng và 46.000.000đồng tiền lãi hội.

[3.2] Theo lời trình bày của anh Đặng Văn Q là con trai bà T thì có nhiều lần anh nhận tiền chuyển khoản từ bà Q nhờ chuyển cho bà T và anh đã chuyển cho bà T hoặc chuyển cho người khác theo sự chỉ bảo của bà T, mục đích bà Q chuyển tiền cho bà T là gì thì anh không biết. Cuối tháng 12/2022 anh Thấy bà Q nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T trả tiền vay và tiền góp hội.

[3.3] Theo lời trình bày của người làm chứng là Chị Nguyễn Thị Thiên N thì chị có tham gia hội tiền do bà T làm chủ cùng bà Q, về số suất tham gia, mức góp hội, lãi suất hội và ngày đóng hội như bà Q trình bày là đúng; chị Nga được biết bà Q có tham gia 2 suất và cũng chưa rút.

[3.4] Các chứng cứ mà bà Q giao nộp cho Tòa án là bản chụp màn hình điện thoại các lần chuyển khoản tiền qua số tài khoản 3830186839999 tại Ngân

hàng Quân đội, tên người thụ hưởng là Đặng Văn Q, mỗi lần chuyển là 10.000.000đồng, cụ thể các ngày: 24/7/2021, 26/8/2021, 25/9/2021, 22/10/2021, 23/12/2021, 21/01/2022, 22/3/2022, 18/6/2022, 20/7/2022, 15/9/2022, 13/11/2022, 13/12/2022, phần nội dung chuyển khoản đều ghi “Đỗ Thị Quý chuyển khoản đóng hội”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc bà Q yêu cầu bà trả tiền hội.

[3.5] Căn cứ vào chứng cứ bà Q giao nộp cho Tòa án, Hội đồng xét xử thấy lần cuối cùng bà Q chuyển tiền hội cho bà T là ngày 13/12/2022 (tức ngày 20/11/2022 âm lịch) số tiền là 10.000.000đồng. Như vậy lời khai của bà Q phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng, đã đủ cơ sở khẳng định: Việc bà Q có tham gia hội tiền do bà T làm chủ, hàng tháng bà Q góp 10.000.000đồng, lần góp cuối cùng là ngày 20/11/2022 (âm lịch) và bà Q chưa rút hội là đúng. Bà Q trình bày đã góp hội cho bà T tổng số tiền 230.000.000đồng là phù hợp bởi tính từ ngày hội bắt đầu (ngày 20/01/2021 âm lịch) đến ngày cuối cùng góp tiền (ngày 20/11/2021 âm lịch) là 23 tháng x 10.000.000đồng/tháng = 230.000.000đồng. Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, hội, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc yêu cầu bà T phải trả số tiền góp hội là 230.000.000đồng.

[3.6] Về tiền lãi hội: Mặc dù không có tài liệu chứng cứ thể hiện lãi suất của hội tiền nhưng nguyên đơn và người làm chứng đều có lời khai thống nhất là hội có lãi, người rút rồi phải trả lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất, do đó có căn cứ khẳng định hội tiền là có lãi. Hội gồm 30 suất x 5.000.000đ/suất/tháng = 150.000.000đồng/tháng/suất. Nếu tính theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì mức lãi suất hội các đương sự trình bày là 1.000.000đồng/tháng/suất tương đương 0,666%/tháng tức 07,992%/năm thì mức lãi suất này trong giới hạn cho phép tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức tiền lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất. Bà Q đã góp 23 tháng, tiền lãi bà Q sẽ được nhận là: 23 tháng x 2 suất x 1.000.000đồng = 46.000.000đồng đúng với số tiền lãi hội bà Q, ông T yêu cầu bà T phải trả.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử thấy: việc bà Nguyễn Thị T có vay số tiền 400.000.000đồng và đã nhận 230.000.000đồng tiền góp hội của Bà Đỗ Thị Q là sự thật và hiện nay bà T chưa trả những khoản tiền này cho vợ chồng bà Q, ông T; anh Đặng Văn Q chỉ là người nhận và chuyển tiền hội giúp bà Q và anh đã thực hiện; bà Q cũng không yêu cầu anh Quân liên đới trả nợ tiền cùng bà T nên xác định anh Quân không phải có trách nhiệm cùng bà T trả tiền bà Q, ông T. Như vậy, bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả vợ chồng Bà Đỗ Thị Q, ông Lương Văn T tổng số tiền là 676.000.000đ (sáu trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền vay nợ là 400.000.000đồng, tiền hội là 276.000.000đồng (bao gồm cả gốc và lãi hội) theo

quy định tại các Điều 357, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, hội.

1.1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Q đối với bà Nguyễn Thị T về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả vợ chồng Bà Đỗ Thị Q, ông Lương Văn T tổng số tiền là 676.000.000đ (sáu trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền vay là 400.000.000đồng, tiền góp hội là 276.000.000đồng (gồm 230.000.000đồng tiền gốc và 46.000.000đồng tiền lãi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 13 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 31.040.000đ (ba mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Q được nhận lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006459 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Đỗ Thị Q, bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q, ông Lương Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng